



BÀI TIỂU LUẬN

Môn học : Pháp luật đại cương

Đề tài : Trình bày và so sánh các kiểu pháp luật trong lịch sử

*

*

*

Giảng viên hướng dẫn:

Họ tên sinh viên: Trần Mạnh Cường - KT24.07

MSSV: 20160588..... Mã lớp học:

Học kỳ: 20162 Năm học: 2016 2017

~ Hà nội ngày 4 tháng 4 năm 2017~

I, Khái niệm và quy luật thay thế các kiểu pháp luật

1. Khái niệm

Kiểu pháp luật là hình thái pháp luật được xác định bởi tập hợp các dấu hiệu, đặc trưng cơ bản của pháp luật thể hiện bản chất giai cấp, điều kiện tồn tại và phát triển của pháp luật trong một hình thái kinh tế - xã hội nhất định.

Chủ nghĩa Mác - Lênin xem xét lịch sử xã hội như là một quá trình lịch sử tự nhiên của sự thay thế một hình thái kinh tế - xã hội khác. Mỗi một hình thái kinh tế - xã hội là một kiểu lịch sử của xã hội được thiết lập trên cơ sở của một phương thức sản xuất.

Pháp luật là một yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng. Bản chất, nội dung của pháp luật suy cho cùng là do cơ sở kinh tế quyết định, vì vậy để phân loại các kiểu pháp luật đã tồn tại trong lịch sử cần dựa vào hai tiêu chuẩn:

1, Dựa trên cơ sở kinh tế nào và quan hệ sản xuất.

2, Là sự thể hiện ý chí của giai cấp và củng cố quyền lợi của giai cấp nào trong xã hội.

Là một bộ phận thuộc kiến trúc thượng tầng dựa trên cơ sở kinh tế của một xã hội nhất định, tương ứng với các hình thái kinh tế - xã hội có giai cấp có các kiểu pháp luật sau đây:

- + Kiểu pháp luật chủ nô
- + Kiểu pháp luật phong kiến
- + Kiểu pháp luật tư sản
- + Kiểu pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Trong số các kiểu pháp luật đã và đang tồn tại trong lịch sử xã hội loài người, kiểu pháp luật xã hội chủ nghĩa đang trên con đường hình thành và phát triển, thể hiện ý chí của đa số nhân dân lao động trong xã hội, xây dựng một xã hội công bằng, bình đẳng và đảm bảo giá trị của con người.

2. Quy luật thay thế các kiểu pháp luật trong lịch sử

+ Tương ứng với mỗi hình thái KT-XH có giai cấp là mỗi kiểu PL khác nhau. Khi các hình thái KT-XH thay đổi thì cũng dẫn đến sự thay đổi tương ứng trong NN và PL

+ Sự thay thế kiểu PL này bằng một kiểu PL khác tiến bộ hơn là một quy luật tất yếu khách quan với những đặc trưng: kiểu PL sau bao giờ cũng tiến bộ, hoàn thiện hơn kiểu PL trước và có sự kế thừa giữa các kiểu PL về tư duy, tư tưởng PL

+ Cách mạng là con đường dẫn đến những thay thế đó

+ Khái niệm về kiểu pháp luật có vai trò quan trọng đối với việc nghiên cứu bản chất, chức năng của pháp luật.

+ Vì vậy, không phải bất kỳ quốc gia nào trên thế giới cũng diễn ra một quá trình tuần tự với bốn kiểu pháp luật như trên (Ví dụ: Ở Việt Nam không có kiểu pháp

luật chủ nô, tư sản. Ở Mỹ không có kiểu pháp luật chủ nô, phong kiến, mà chỉ có kiểu pháp luật tư sản).

II, Các kiểu pháp luật trong lịch sử.

A. Kiểu pháp luật chủ nô

****.** Bản chất và đặc điểm của pháp luật chủ nô.

a) Bản chất của pháp luật chủ nô

- Pháp luật chủ nô là hệ thống các quy tắc xử sự do nhà nước chủ nô đặt ra hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện, chủ yếu thể hiện ý chí và bảo vệ địa vị của giai cấp chủ nô, là nhân tố điều chỉnh và bảo đảm cho sự phát triển ổn định của các quan hệ xã hội chiếm hữu nô lệ.

- Bản chất của pháp luật chủ nô thể hiện qua tính giai cấp và tính xã hội.

+ Tính giai cấp: pháp luật chủ nô là sự thể hiện ý chí của giai cấp chủ nô và nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp này.

+ Tính xã hội: Pháp luật chủ nô góp phần xác lập trật tự xã hội thông qua việc xác định các khuôn mẫu ứng xử cho con người, định hình các quy tắc hành vi trong các hoạt động sinh hoạt, lao động, buôn bán, dịch vụ...

=> Giống như nhà nước chủ nô, tính giai cấp của nhà nước chủ nô thể hiện công khai và rõ rệt hơn nhiều so với tính xã hội

+ Tính giai cấp nổi trội:

- PL hợp pháp hóa sự bóc lột không có giới hạn của chủ nô đối với nô lệ

- PL ghi nhận và củng cố, bảo vệ tình trạng phân biệt đẳng cấp trong XH

- PL ghi nhận địa vị thống trị của người gia trưởng đối với các thành viên khác trong gia đình

b) Đặc điểm của pháp luật chủ nô

- Pháp luật chủ nô tạo cơ sở pháp lý cho việc củng cố và bảo vệ quan hệ sản xuất chiếm hữu nô lệ, hợp pháp hóa chế độ bóc lột của chủ nô đối với nô lệ.

- Pháp luật chủ nô quy định một hệ thống hình phạt và cách thi hành hình phạt hết sức dã man, tàn bạo.

- Pháp luật chủ nô ghi nhận và củng cố tình trạng bất bình đẳng trong xã hội và trong gia đình.

- Pháp luật chủ nô có tính tản mạn, thiếu thống nhất.

****** Nguồn và hình thức của pháp luật chủ nô

- Có thể nói nguồn quan trọng nhất của pháp luật chủ nô là phong tục tập quán và đạo đức.

- Pháp luật chủ nô có cả ba hình thức cơ bản là tập quán pháp, tiền lệ pháp và văn bản quy phạm pháp luật, trong đó hình thức tập quán pháp chiếm ưu thế tuyệt đối.

B. Kiểu pháp luật phong kiến

1. Bản chất của pháp luật phong kiến

+Pháp luật phong kiến là kiểu pháp luật thứ hai trong lịch sử, ra đời cùng với sự ra đời của nhà nước phong kiến. Kiểu pháp luật Phong kiến thay thế cho kiểu pháp luật chủ nô, chứa đựng nhiều yếu tố tiến bộ hơn pháp luật chủ nô.

Xét về bản chất của pháp luật phong kiến nó do chính các điều kiện kinh tế xã hội phong kiến quy định hay nói cách khác nó do quan hệ sản xuất phong kiến quy định. >>Vì vậy, về mặt bản chất giai cấp, pháp luật phong kiến thể hiện ý chí của giai cấp địa chủ, phong kiến, là phương tiện để bảo vệ trật tự xã hội phong kiến, trước hết là quan hệ sản xuất phong kiến. Nó ghi nhận sự bất bình đẳng giữa các đẳng cấp khác nhau trong xã hội, sự lệ thuộc của nông dân vào giai cấp địa chủ, bảo vệ sự áp bức bóc lột của giai cấp địa chủ phong kiến đối với nông dân.

+Về phương diện xã hội pháp luật phong kiến có vai trò xã hội nhất định. Nó là phương tiện để nhà nước phong kiến thực hiện những công việc chung của xã hội, ghi nhận và phát triển các quan hệ xã hội của hình thái kinh tế xã hội phong kiến cao hơn, tiến bộ hơn so với hình thái kinh tế xã hội chiếm hữu nô lệ. Đồng thời pháp luật phong kiến là phương tiện để nhà nước phong kiến thực hiện những công việc chung, những chức năng xã hội. Trong những hoàn cảnh, điều kiện lịch sử cụ thể pháp luật phong kiến không chỉ thể hiện ý chí của giai cấp địa chủ phong kiến mà còn phản ánh ý chí chung của toàn xã hội.

+Ví dụ: Trong bộ Quốc triều hình luật của nhà Lê ngoài các quy định thể hiện ý chí, bảo vệ lợi ích của giai cấp địa chủ phong kiến, ta còn gặp rất nhiều quy định mà mục đích là để thiết lập trật tự xã hội như: Thẻ lệ chia ruộng đất công, quy định các vấn đề bảo vệ ruộng đất, quy định về vấn đề thừa kế...

2. Các đặc trưng cơ bản của pháp luật phong kiến

- Pháp luật phong kiến là pháp luật đẳng cấp và đặc quyền

+Pháp luật phong kiến chia giai cấp trong xã hội thành nhiều đẳng cấp khác nhau. Mỗi đẳng cấp có địa vị xã hội và địa vị pháp lý khác nhau. Pháp luật phong kiến công khai tuyên bố cho mỗi đẳng cấp có những đặc quyền riêng. Quyền lợi cao nhất trong xã hội Phong kiến thuộc về vua, vua có toàn quyền, sau vua là các địa chủ lớn, tầng lớp có rất nhiều quyền (quyền xét xử đối với nông dân, đặt ra luật lệ, quyền thu thuế, quyền bắt nông dân phải lao dịch cho mình...), “Như vậy, một mình tên địa chủ vừa là nhà làm luật, vừa là quan toà, là vị chúa tể có toàn quyền ở trang ấp của mình

+Tính chất đặc quyền của pháp luật còn thể hiện ở việc quy định các biện pháp trách nhiệm khác nhau căn cứ vào đẳng cấp, thứ bậc của người phạm tội và người bị hại trong xã hội. Người thuộc đẳng cấp dưới có hành vi xâm hại đến người thuộc đẳng cấp trên, đặc biệt là vua chúa thì bị trừng trị rất nặng. Ngược lại, người thuộc đẳng cấp trên xâm hại người thuộc đẳng cấp dưới bao giờ cũng được hưởng hình phạt nhẹ hơn

+ví dụ: trong pháp luật phong kiến Việt Nam quy định Bát nghị là 8 hạng người khi có hành vi phạm tội sẽ được xem xét để được miễn hoặc giảm nhẹ hình phạt. Tính chất đẳng cấp và đặc quyền của pháp luật phong kiến thể hiện trong câu ngạn ngữ của người Trung Quốc là: “lễ nghi không tới thứ dân, hình phạt không tới trượng phu”.

- Pháp luật phong kiến mang tính dã man, tàn bạo.

+Mục đích hình phạt của pháp luật phong kiến chủ yếu nhằm gây đau đớn về thể xác và tinh thần cho con người, làm nhục, hạ thấp danh dự, nhân phẩm của con người. Chính vì vậy, các hình phạt được quy định trong pháp luật như: chém đầu, treo cổ, dìm nước, voi giày, tứ mã phanh thây, ném vạc dầu, thích chữ vào mặt... được áp dụng rộng khắp ở các nhà nước phong kiến.

+Bên cạnh đó pháp luật phong kiến còn cho phép áp dụng trách nhiệm hình sự liên đới dựa trên hai nguyên tắc: Thứ nhất, đối với những người có cùng huyết thống, dòng tộc và quan hệ hôn nhân. Thứ 2, đối với những người có quan hệ hàng xóm, đồng cư với người phạm tội. Ví dụ như vụ án Lê Chi viên đã áp dụng hình phạt chu di tam tộc với 2 dòng họ của Nguyễn Trãi và Thị Lộ ở Triều Lê.

- Pháp luật phong kiến là pháp luật của kẻ mạnh.

+Pháp luật phong kiến hợp pháp hoá tính chất chuyên quyền và tùy tiện sử dụng bạo lực. Ở giai đoạn đầu pháp luật phong kiến cho phép các lãnh chúa phong kiến có pháp luật của riêng lãnh địa mình. Pháp luật cho phép sử dụng bạo lực để giải quyết tranh chấp. Ví dụ những quy định về đấu gươm, đấu súng ở Châu Âu.

+Mặt khác, Toà án phong kiến được quyền xét xử bất kỳ vụ việc nào từ những lĩnh vực thuộc về nhà nước cho đến những việc thuộc về đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật...

- Pháp luật phong kiến liên quan mật thiết tới tôn giáo và đạo đức phong kiến.

+Trong xã hội phong kiến có sự liên kết chặt chẽ giữa nhà nước và các tổ chức tôn giáo, vì thế trong nhiều trường hợp tổ chức tôn giáo can thiệp vào công việc của nhà nước và ngược lại nhà nước cũng can thiệp vào các công việc tôn giáo. Điều này dẫn đến thực trạng nhà nước phong kiến ghi nhận, thể chế hoá nhiều quy định của lễ, giáo, đạo đức phong kiến thành pháp luật của nhà nước.

+Ngoài ra, Hình thức án lệ và văn bản (lệnh, chiếu chỉ) được sử dụng khá rộng rãi

=>>>Bộ máy pháp luật pphong kiến tiên bộ hơn rất nhiều so với kiểu phapp luật chủ nô.

C. Pháp luật tư sản

1. Định nghĩa pháp luật tư sản: Pháp luật tư sản là hệ thống các qui phạm pháp luật (các qui tắc) có tính chất bắt buộc chung, do Nhà nước tư sản ban hành (hoặc thừa nhận) và bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế, trực tiếp thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản, là công cụ có hiệu lực nhất để điều chỉnh các quan hệ xã hội chủ yếu phù hợp với ý chí và lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản.

2. Những điểm tiên bộ của pháp luật tư sản so với pháp luật phong kiến

- Pháp luật phong kiến là pháp luật đặc quyền về đẳng cấp còn pháp luật tư sản quy định mọi công dân bình đẳng trước pháp luật. Với sự ra đời của pháp luật tư sản lần đầu tiên trong lịch sử Pháp luật của nhân loại, nguyên tắc mọi công dân bình đẳng trước pháp luật được thiết lập. Nó được ghi nhận trong Hiến pháp tư bản. Để thực hiện quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật, luật bầu cử của hầu hết các Nhà nước tư sản đều qui định mọi công dân đến tuổi mà pháp luật qui định đều có thể tham gia bầu cử hoặc ứng cử vào nghị viện - cơ quan lập pháp và các hội đồng địa phương. Mọi công dân vi phạm pháp luật đều bị xử lý theo pháp luật không phụ thuộc đó là công dân bình thường hay người giữ chức vụ cao trong nhà nước. Nếu trong nhà nước phong kiến “hình phạt không tới trượng phu, lễ nghi không tới thứ dân” thì trong Nhà nước tư sản tổng thống - người đứng đầu nhà nước cũng có thể bị truy cứu trách nhiệm pháp lý.

- Không chỉ thế pháp luật tư sản qui định và bảo vệ quyền công dân và các quyền con người. Khác với pháp luật phong kiến nơi mà các quyền công dân và quyền con người không được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, pháp luật tư sản ghi nhận trong Hiến pháp - đạo luật cơ bản của nhà nước các quyền cơ bản của công dân và con người. Các quyền công dân và con người trong

hiến pháp tư sản chia làm bốn nhóm là: các quyền tự do cá nhân, các quyền kinh tế, các quyền về văn hóa xã hội, các quyền về chính trị.

- Bên cạnh việc qui định các quyền pháp luật tư sản cũng qui định về các nghĩa vụ của công dân. Nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc được qui định là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi công dân, nghĩa vụ phục vụ quân đội trong một thời gian và theo cách thức mà pháp luật qui định.

-Pháp luật tư sản bảo vệ chế độ tư hữu tư nhân, coi nó là thiêng liêng và bất khả xâm phạm.

+Quyền sở hữu là một trong những chế định hoàn thiện nhất của pháp luật tư sản.

+Một mặt quyền bảo vệ sở hữu tư nhân trước hết là bảo vệ tài sản cho giai cấp tư sản, giai cấp có nhiều tài sản nhất trong xã hội. Mặt khác bảo vệ quyền sở hữu tư nhân cũng là bảo vệ những điều kiện tiên quyết để xây dựng một xã hội thịnh vượng

- Pháp luật tư sản phát triển toàn diện cân đối và đồng bộ hơn pháp luật phong kiến.

+Nếu pháp luật phong kiến chỉ phát triển về luật hình sự mà không phải về mặt luật dân sự, chỉ phát triển các thiết chế về Nhà nước mà không phát triển về các thiết chế về công dân thì pháp luật tư sản đã phát triển toàn diện cả về dân sự lẫn hình sự, cả pháp luật điều chỉnh về bộ máy nhà nước, cả pháp luật điều chỉnh các quan hệ của công dân

- Điều đặc biệt, pháp luật không những là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội mà còn là công cụ để giám sát, hạn chế quyền lực của bộ máy nhà nước.

- Pháp luật tư sản đã thể hiện tính nhân đạo hơn so với pháp luật phong kiến

+Sự nhân đạo hơn của pháp luật tư sản so với pháp luật phong kiến còn thể hiện ở chỗ tính xã hội của nó thể hiện rộng rãi và rõ rệt hơn nhiều và có xu hướng thể hiện ngày càng sâu sắc hơn. Trong pháp luật tư sản hiện đại, những quy định thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của người lao động, của đa số dân cư và của cộng đồng ngày càng nhiều hơn như những quy định về chế độ phổ cập giáo dục bắt buộc cho công dân, tiền mức lương tối thiểu

-Sự ra đời của hiến pháp:

+Hiến pháp tư sản là văn bản có giá trị cao nhất trong pháp luật tư sản. Ngành luật hiến pháp chỉ mới có từ khi nhà nước tư sản ra đời. Từ trước đến nay nhà nước ở chế độ chiếm hữu nô lệ và chế độ phong kiến không thể có hiến pháp bởi vì trong các chế độ đó quyền lực của Vua là vô tận. Trong xã hội phong kiến chuyên chế nhà nước nắm trong tay quyền lực nhà nước do

trời ban và “thay trời trị vì thiên hạ” với những quyền hành không giới hạn. Trong xã hội tồn tại một nền thống trị hà khắc tùy tiện. Điều đó có nghĩa rằng nhà nước phong kiến đương nhiên không có và cũng không cần thiết đến một bản hiến pháp qui định tổ chức quyền lực nhà nước.

+Pháp luật tư sản ra đời gắn liền với Hiến pháp và chủ nghĩa lập hiến. Chủ nghĩa lập hiến có nguồn gốc từ tư tưởng dùng pháp luật làm công cụ hạn chế quyền lực nhà nước, đảm bảo mọi quyền lực nhà nước đều xuất phát từ nhân dân. Nhân dân có thể dùng Hiến pháp làm công cụ giám sát tối cao đối với mọi biểu hiện lạm dụng quyền lực từ các cơ quan công quyền.

D. Pháp luật xã hội chủ nghĩa

1. Bản chất của pháp luật XHCN

a- Tính giai cấp XHCN là tính giai cấp công nhân

- Giai cấp công nhân là giai cấp cách mạng nhất, đại diện cho phương thức sản xuất XH tiên bộ nhất, giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử là lãnh đạo các tầng lớp nhân dân lao động đấu tranh giải phóng giai cấp, xóa bỏ bóc lột, xây dựng XH XHCN.

- Giai cấp công nhân lãnh đạo NN XHCN và sử dụng PL XHCN để thực hiện sứ mệnh lịch sử đó.

b- Pháp luật XHCN có tính nhân dân sâu sắc và gắn liền với tính giai cấp công nhân

- Trong NN XHCN, tất cả quyền lực NN thuộc về nhân dân, nòng cốt là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

- NN XHCN thể hiện hóa ý chí của nhân dân lao động thành pháp luật. Ý chí NN được thể hiện trong PL XHCN là ý chí thống nhất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, xuất phát từ lợi ích thống nhất của giai cấp công nhân và tất cả các tầng lớp nhân dân lao động khác.

c- Pháp luật XHCN có tính dân tộc sâu sắc

-Về bản chất, NN XHCN là NN của khối đại đoàn kết toàn dân, là công cụ bảo vệ lợi ích của tất cả các dân tộc theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin. Lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc là thống nhất. Pháp luật của NN đó phải thể hiện ý chí, nguyện vọng và lợi ích của cả dân tộc, là phương tiện thể chế hóa chính sách dân tộc của giai cấp công nhân.

-Đại đoàn kết là tất yếu trong sự nghiệp xây dựng CNXH. Pháp luật XHCN phải phản ánh sự tất yếu khách quan đó. Pháp luật XHCN là nền tảng pháp lý để thực hiện chính sách đại đoàn kết và bình đẳng dân tộc, bảo đảm phát

triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tất cả các dân tộc. Pháp luật XHCN là công cụ đấu tranh với những biểu hiện phân biệt, kỳ thị dân tộc, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

2. Đặc trưng của PL XHCN

- a. PL XHCN là hệ thống các quy tắc xử sự có tính thống nhất cao
- b. PL xã hội chủ nghĩa thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và đông đảo nhân dân lao động, do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo
- c. PL XHCN do NN XHCN, NN dân chủ, thể hiện quyền lực của đông đảo nhân dân lao động ban hành và bảo đảm thực hiện
- d. PL XHCN có quan hệ chặt chẽ với chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa.
- e. PL XHCN quan hệ mật thiết với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng cộng sản.
- f. PL XHCN có quan hệ qua lại với các quy phạm xã hội khác trong CNXH

III.KẾT LUẬN

*Tài liệu tham khảo :

- Tài liệu bồi dưỡng và quản lý hành chính nhà nước – Phần I
- Giáo trình nhà nước và pháp luật đại cương – Khoa luật, Đại học Quốc Gia Hà Nội.
- Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa mác lên nin- học phần 1